

Số :3006/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **30-06-17**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	710	1.16%
2	BMP	170	1.36%
3	BVH	280	1.29%
4	CII	750	2.20%
5	CTD	130	2.28%
6	CTG	1,550	2.51%
7	DHG	190	1.90%
8	DPM	650	1.21%
9	FPT	1,770	6.61%
10	GAS	400	1.84%
11	GMD	630	2.21%
12	HAG	1,800	1.39%
13	HNG	950	0.83%
14	HPG	3,780	9.45%
15	HSG	800	2.05%
16	ITA	1,920	0.61%
17	KBC	1,460	1.98%
18	KDC	510	1.88%
19	MBB	3,920	7.02%
20	MSN	1,890	6.43%
21	MWG	700	5.68%
22	NT2	360	0.82%
23	PVD	800	0.90%
24	REE	770	2.29%
25	SBT	580	1.63%
26	SSI	1,320	2.91%
27	STB	5,330	6.03%
28	VCB	1,500	4.60%
29	VIC	2,620	8.91%

30	VNM	770	9.57%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,240,122,100

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,245,629,628

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 5,507,528

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	63,360	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 30-06-17	Kỳ này/This period 29-06-17	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	2	0	2
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	49,900,000	49,700,000	200,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	12,560	12,490	70
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value: của quỹ ETF/of the Fund	619,077,925,323	615,732,140,117	3,345,785,206
của một lô ETF/per Creation Unit	1,245,629,628	1,238,897,666	6,731,962
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,456.29	12,388.97	67.32
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	812.39	807.93	4.46

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc/CEO